TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 09/9/2019.
"V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Bé Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân 1/ Ông **Lưu Quốc Khánh**

2/ Bà **Nguyễn Thị Hiểu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Bà **Lê Huyền Mao** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2019/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc *"tranh chấp xin ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị N** – sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Tuấn E** – sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Tuấn E vắng mặt tại phiên tòa, nhưng chị N có làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2014 chị với anh Nguyễn Tuấn E có tổ chức cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào ngày 07/5/2018. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị và anh Tuấn E đã ly thân với nhau khoảng 02 tháng nay. Nay chị N nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn E;

Về quan hệ con chung: Chị N và anh Tuấn E xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Đại P, sinh ngày 18/9/2014 hiện cháu đang sống chung với chị N. Nay chị N yêu cầu nuôi con, chị không yêu cầu anh Tuấn E phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2019 của bị đơn anh Nguyễn Tuấn E trình bày: Vào năm 2014 chị N với anh Nguyễn Tuấn E có tổ chức cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào ngày 07/5/2018. trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Đại P, sinh ngày 18/9/2014 hiện cháu đang sống chung với chị N. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị và anh Tuấn E đã ly thân với nhau khoảng 02 tháng nay. Nay anh có ý kiến về các vấn đề chị N yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: chị N yêu cầu được ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về quan hệ con chung: Anh đồng ý giao cháu Nguyễn Đại P, sinh ngày 18/9/2014 cho chị N nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Tuấn E.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Đại P, sinh ngày 18/9/2014 cho chị Đặng Thị N nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Tuấn E không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng chị có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

3. Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra chị N còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Đặng Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn E và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con".

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Tuấn E có nơi đăng ký thường trú tại ấp L, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết.

[3] Nguyên đơn chị Đặng Thị N mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị N. Riêng bị đơn anh Nguyễn Tuấn E vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Tuấn E.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Tuấn E có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 07/5/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Tuấn E là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống đến nay, chị N xác định giữa chị và anh Tuấn E có phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 02 tháng nay. Chị N xác định mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn E. Mặc dù anh Tuấn E không trình bày nguyên nhân mâu thuẫn gia đình nhưng anh Tuấn E đồng ý ly hôn với chị N, hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Tuấn E.

[5] Về quan hệ con chung: Chị N và anh Tuấn E xác định giữa vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Đại P, sinh ngày 18/9/2014, hiện cháu P đang sống chung với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi cháu P và không yêu cầu cấp dưỡng. Yêu cầu trên được anh Tuấn E đồng ý và cũng không làm xáo chộn cuộc sống của cháu P nên cần tiếp tục giáo cháu P cho chị N nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Chị N không yêu cầu anh Tuấn E cấp dưỡng nên anh Tuấn E không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[6] Về quan hệ tài sản: Chị N và anh Tuấn E đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyệt phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Tuấn E.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Đại P, sinh ngày 18/9/2014 cho chị Đặng Thị N nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Tuấn E không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng chị có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

3. Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Đặng Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị N đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0002638 ngày 24/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bạc Liêu;*
- *VKSND huyện Hồng Dân;*
- *Chi cục THADS huyện Hồng Dân;*
- *UBND xã V;*
- *Đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

(Đã ký)

Lâm Bé Nhi